

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TRẢI NGHIỆM GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Bùi Thị Loan⁺,
Hà Thanh Huệ

Trường Đại học Hùng Vương
+Tác giả liên hệ • Email: builoanhv@gmail.com

Article history

Received: 27/8/2025

Accepted: 17/11/2025

Published: 05/01/2026

Keywords

Effectiveness, educational experience model, child abuse prevention, Hung Vuong University

ABSTRACT

Child abuse has become a pressing concern in general education, requiring teacher training institutions to develop practical educational models that equip students with self-protection skills. From this need, Hung Vuong University has developed an experiential education model for child abuse prevention, designed based on students' cognitive and psychological characteristics. The model incorporates a variety of engaging activities such as drawing, dancing, singing, calligraphy, self-defense, and role-playing situations to help students practice skills in preventing abduction, school violence, accidental injuries, and sexual abuse. The study employed questionnaire surveys, expert interviews, and field observations to assess the model's levels of need, feasibility, effectiveness, innovativeness, practicality, and socio-economic impacts. The results indicated that the model was rated "very good" across all evaluation criteria. It contributes to enhancing students' self-protection skills and raising community awareness of child abuse prevention. The model showcases high practical values and can be effectively applied in life skills education, contributing to the development of a safe and friendly school environment.

1. Mở đầu

Xâm hại trẻ em (XHTE) hiện đang là một vấn đề nghiêm trọng mang tính toàn cầu. Theo thống kê, trung bình cứ mỗi 8 giờ lại có thêm một trẻ em trở thành nạn nhân của hành vi xâm hại. Những tổn thương mà trẻ phải chịu đựng không chỉ gây hậu quả tức thời mà còn để lại hệ lụy lâu dài về tâm lý và sự phát triển nhân cách. Thực tiễn này đòi hỏi phải có những giải pháp giáo dục mang tính chủ động, hệ thống và hiệu quả. Việc chỉ đặt niềm tin vào sự an toàn của trẻ thông qua kì vọng hay lời cầu nguyện là chưa đủ; thay vào đó, cần có những hành động cụ thể, tích cực và đúng đắn nhằm ngăn chặn cũng như phòng ngừa các nguy cơ xâm hại (Phạm Thị Minh Thúy, 2017). Trong số các giải pháp đã được chứng minh là có hiệu quả, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) được xem là một trong những phương thức giáo dục phù hợp và thiết thực nhất trong công tác phòng chống xâm hại trẻ em (PCXHTE). Tại các trường phổ thông, HĐTN đã được quy định là hoạt động giáo dục bắt buộc, với thời lượng thực hiện lên tới 105 tiết mỗi năm học. Hoạt động này được tổ chức đa dạng theo nhiều hình thức và phương pháp khác nhau, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhận thức của HS ở từng độ tuổi (Bộ GD-ĐT, 2018).

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và thực tiễn triển khai tại các cơ sở giáo dục phổ thông, Trường Đại học Hùng Vương đã xây dựng và triển khai mô hình trải nghiệm giáo dục (MHTNGD) PCXHTE. Mô hình hướng đến việc phát triển năng lực phòng ngừa và ứng phó với các nguy cơ xâm hại, tai nạn thương tích, bạo lực học đường và xâm hại tình dục ở HS phổ thông, từ đó góp phần tạo dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và lành mạnh. Với định hướng xây dựng Trường Đại học Hùng Vương trở thành một trung tâm giáo dục trải nghiệm và nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục, nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá hiệu quả MHTNGD PCXHTE tại Trường. Việc đánh giá không chỉ nhằm kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả và tác động của mô hình mà còn tạo cơ sở để mở rộng, phát triển và nhân rộng trong thực tiễn giáo dục hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về mô hình trải nghiệm giáo dục phòng chống xâm hại cho học sinh phổ thông

Các nghiên cứu về giáo dục PCXHTE trên thế giới chủ yếu tập trung vào việc trang bị cho HS các kĩ năng nhận biết nguy cơ, ứng phó và tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị xâm hại. Nhiều công trình đã chứng minh hiệu quả của giáo dục phòng ngừa trong môi trường học đường, tiêu biểu như Allen và cộng sự (2020) với chương trình Second Step Child Protection Unit giúp GV nâng cao năng lực giảng dạy nội dung phòng chống xâm hại; Bustamante và cộng sự (2019)

đánh giá chương trình “I have the right to feel safe” tại Ecuador; Cırık và Karakurt (2024) xác nhận hiệu quả của chương trình giáo dục kết hợp giữa trẻ em và phụ huynh ở Thổ Nhĩ Kỳ; Davis và Gidycz (2000) qua phân tích tổng hợp nhiều chương trình giáo dục phòng ngừa đã khẳng định hiệu quả rõ rệt của việc rèn luyện kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em. Gushwa và cộng sự (2019) tiếp tục mở rộng hướng tiếp cận này khi chứng minh rằng các chương trình đào tạo trực tuyến cho GV có thể nâng cao năng lực tổ chức giáo dục phòng ngừa trong nhà trường. Craig (2022) nhấn mạnh vai trò của tài liệu giáo dục, đặc biệt là sách thiếu nhi, trong việc hình thành nhận thức và thái độ tích cực về bảo vệ trẻ em; trong khi Henry và cộng sự (2022) chỉ ra rằng nâng cao hiểu biết xã hội về xâm hại hình ảnh là yếu tố quan trọng giúp HS và GV nhận diện rủi ro trong môi trường số.

Các nghiên cứu của Helpingstine và cộng sự (2024), Barter và cộng sự (2022), McTavish và cộng sự (2021), Dimitropoulos và cộng sự (2021) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục phòng ngừa sớm, sự tham gia của cộng đồng và yếu tố văn hóa trong triển khai chương trình. Tuy nhiên, phần lớn các công trình này được thực hiện tại các quốc gia phát triển, trong khi tại Việt Nam, việc áp dụng mô hình giáo dục mang tính trải nghiệm trong PCXHTE còn hạn chế và thiếu các bằng chứng thực nghiệm.

Tại Việt Nam, một số công trình của Phạm Thị Minh Thúy (2017), Bui và cộng sự (2024) đã tiếp cận giáo dục phòng chống xâm hại theo hướng phát triển kỹ năng sống cho HS. Tuy nhiên, các chương trình này vẫn chủ yếu thiên về truyền đạt kiến thức, chưa khai thác sâu phương pháp học tập trải nghiệm - một phương pháp giúp HS “học bằng làm”, rèn kỹ năng ứng phó và xử lý tình huống thông qua thực hành. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT đã khẳng định HĐTN là một thành phần bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, qua đó tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại vào giáo dục nhà trường.

Trên nền tảng đó, nhóm nghiên cứu đã xây dựng MHTNGD PCXHTE tại Trường Đại học Hùng Vương dựa trên lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb (1984) và lý thuyết phát triển năng lực cá nhân (Đào Thị Ngọc Minh và Nguyễn Thị Hằng, 2018). Mô hình được triển khai với các gói trải nghiệm đa dạng, thời lượng linh hoạt (1-3 giờ hoặc 1-2 ngày), phù hợp với điều kiện đăng ký của từng đơn vị hay cá nhân. Nội dung trải nghiệm gồm phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bắt cóc, phòng chống bạo lực và phòng chống xâm hại tình dục; có thể tích hợp trong một chủ đề chung hoặc tách thành các chuyên đề theo nhu cầu lựa chọn. Kinh phí tổ chức được xác định tùy theo thời lượng, số lượng HS và thỏa thuận với đơn vị đăng ký.

Quá trình trải nghiệm được thực hiện theo bốn hoạt động: Khám phá - Kết nối - Thực hành - Vận dụng. HS quan sát tình huống mô phỏng, tham gia sân khấu hóa, nhập vai, xử lý tình huống kết hợp với các hoạt động nghệ thuật và võ tự vệ đồng thời vận dụng kiến thức thông qua sản phẩm truyền thông hoặc cam kết hành động. Hiệu quả mô hình được đánh giá bằng bảng hỏi trước - sau, quan sát hoạt động, phỏng vấn HS - GV và phân tích sản phẩm vận dụng. Quá trình trải nghiệm mô hình là cơ hội để HS rèn luyện các kỹ năng phòng tránh nguy cơ xâm hại, phát triển năng lực tâm lý - xã hội và khả năng tự bảo vệ bản thân một cách tích cực, an toàn và bền vững. Đồng thời, hình thành năm phẩm chất chủ yếu (yêu nước, chăm chỉ, nhân ái, trung thực, trách nhiệm) và ba năng lực cốt lõi (năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp) theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Đánh giá mô hình trải nghiệm giáo dục phòng chống xâm hại trẻ em tại Trường Đại học Hùng Vương

2.2.1. Phương pháp đánh giá

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy trong đánh giá MHTNGD PCXHTE tại Trường Đại học Hùng Vương nghiên cứu sử dụng phối hợp các phương pháp: phân tích - tổng hợp tài liệu, phỏng vấn sâu, xin ý kiến chuyên gia, điều tra bằng bảng hỏi và xử lý số liệu bằng thống kê toán học. Đối tượng khảo sát gồm 35 GV Trường Phổ thông chất lượng cao Hùng Vương, Trường THCS Văn Lan (TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ) và 17 chuyên gia giáo dục có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục kỹ năng sống và PCXHTE. Các đối tượng được chọn theo phương pháp chọn mẫu mục đích, đảm bảo đại diện cho các cấp học và nhóm chuyên môn liên quan. Do nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn thí điểm nhằm đánh giá bước đầu tính khả thi và hiệu quả của mô hình, nên quy mô mẫu được lựa chọn ở mức vừa phải nhưng có tính đại diện cao cho các nhóm đối tượng trực tiếp tham gia hoạt động giáo dục phòng chống xâm hại. Bên cạnh khảo sát và phỏng vấn chuyên gia - GV, nhóm nghiên cứu tiến hành quan sát sự phạm quá trình tham gia mô hình của 120 HS lớp 4, lớp 5 và 329 HS lớp 6, lớp 7, lớp 8 trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2023. Việc quan sát được thực hiện với mục đích ghi nhận sự thay đổi trong hành vi học tập, biểu hiện nhận thức và kỹ năng tự bảo vệ của HS, nhằm hỗ trợ cho phân tích định tính về tác động thực tiễn của mô hình. Hoạt động quan sát được tiến hành trong bối cảnh lớp học tự nhiên, có sự đồng thuận của nhà trường và phụ huynh.

Nghiên cứu được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tiếp thông qua phiếu giấy phát cho GV và quan sát sư phạm đối với HS tiểu học, HS THCS tham gia chương trình trải nghiệm tại Trường Đại học Hùng Vương. Toàn bộ phiếu khảo sát được thu hồi đầy đủ, dữ liệu được nhập và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS. Để minh chứng cho việc mô hình được triển khai thực tế và đảm bảo tính xác thực của dữ liệu, nhóm nghiên cứu đính kèm tư liệu minh chứng gồm video ghi lại quá trình trải nghiệm (<https://www.youtube.com/watch?v=5J36F4dqtU>) và phóng sự của Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Thọ (<https://drive.google.com/file/d/18rpxYdoZer60AEdnrsjpvwz-cfsFmwiO>) về mô hình giáo dục.

Bộ công cụ khảo sát gồm 7 câu hỏi chia theo 6 tiêu chí đánh giá, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1 - Rất không đồng ý đến 5 - Rất đồng ý). Khoảng cách điểm số được xác định là $(5 - 1)/5 = 0,8$, với các mức phân loại cụ thể: 4,2-5,0: Rất tốt; 3,4 - <4,2: Tốt; 2,6 - <3,4: Khá; 1,8 - <2,6: Trung bình; 1,0 - <1,8: Cần cố gắng. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,805 đến 0,894 cho thấy thang đo đạt độ tin cậy tốt. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, tính giá trị trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) cho từng tiêu chí, đồng thời kết hợp phân tích định tính từ phỏng vấn và quan sát để bổ sung, đối chiếu kết quả định lượng.

2.2.2. Tính cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả của mô hình trải nghiệm giáo dục phòng chống xâm hại trẻ em tại Trường Đại học Hùng Vương

Bảng 1. Đánh giá tính cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả của MHTNGD phòng chống xâm hại cho HS phổ thông tại Trường Đại học Hùng Vương

Đánh giá	MHTNGD phòng chống xâm hại	Mức độ	
		ĐTB	ĐLC
Tính cần thiết	Mô hình phù hợp với nhu cầu thực tiễn giáo dục HS phổ thông	4,85	0,62
	Mô hình góp phần nâng cao nhận thức về phòng chống xâm hại	4,87	0,60
	Mô hình phù hợp với mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS	4,86	0,61
	ĐTB chung	4,86	0,21
Tính khả thi	Mô hình có thể triển khai dễ dàng trong thực tế	4,82	0,59
	Nguồn lực tổ chức mô hình phù hợp với điều kiện hiện tại	4,83	0,58
	Có thể tích hợp mô hình vào chương trình đào tạo GV	4,84	0,60
	ĐTB chung	4,83	0,59
Tính hiệu quả	Mô hình giúp HS tăng cường kỹ năng tự bảo vệ	4,86	0,60
	Mô hình tạo ảnh hưởng tích cực đến môi trường giáo dục	4,84	0,58
	Mô hình có khả năng nhân rộng tại các cơ sở giáo dục	4,85	0,59
	ĐTB chung	4,85	0,59

Kết quả thống kê ở bảng 1 cho thấy, các tiêu chí đánh giá MHTNGD PCXHTE đều có ĐTB cao, dao động từ 4,82 đến 4,87, với ĐLC nhỏ, phản ánh mức độ đồng thuận cao giữa các nhóm đối tượng khảo sát (GV, CBQL và chuyên gia). Cụ thể, tính cần thiết của mô hình đạt ĐTB = 4,86 (ĐLC = 0,21), thể hiện sự thống nhất cao về tính cấp thiết của việc triển khai mô hình trong giáo dục phổ thông; tính khả thi đạt ĐTB = 4,83 (ĐLC = 0,59), cho thấy mô hình có thể được áp dụng hiệu quả trong điều kiện thực tế; tính hiệu quả đạt ĐTB = 4,85 (ĐLC = 0,59), phản ánh tác động tích cực của mô hình đối với HS và nhà trường.

Thang đo Likert 5 mức (1-5) chỉ được sử dụng như công cụ thu thập dữ liệu sơ cấp, không phải là cơ sở để diễn giải kết quả theo các mức định tính. Dữ liệu sau khi thu thập được quy đổi thành điểm số và xử lý bằng thống kê mô tả (ĐTB, ĐLC) để đảm bảo tính định lượng và độ tin cậy khoa học. Việc diễn giải kết quả dựa trên các chỉ số định lượng này giúp tránh suy luận chủ quan từ nhân mức độ, đồng thời thể hiện rõ xu hướng đánh giá thống nhất giữa các nhóm khảo sát. Bên cạnh đó, hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm tiêu chí dao động từ 0,805 đến 0,894, chứng tỏ độ tin cậy cao của công cụ khảo sát. Như vậy, các số liệu định lượng thu được khẳng định mô hình được đánh giá là cần thiết, khả thi và hiệu quả cao, có giá trị thực tiễn và khả năng nhân rộng trong giáo dục phổ thông hiện nay.

Bảng 2. Đánh giá các MHTNGD phòng chống xâm hại cho HS phổ thông tại Trường Đại học Hùng Vương

MHTNGD	Tính cần thiết		Tính khả thi		Tính hiệu quả	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
(1) MHTNGD phòng chống tai nạn thương tích	4,85	0,53	4,89	0,59	4,86	0,63
(2) MHTNGD phòng chống bắt cóc	4,86	0,65	4,81	0,55	4,87	0,59

(3) MHTNGD phòng chống bạo lực	4,87	0,66	4,88	0,67	4,89	0,56
(4) MHTNGD phòng chống xâm hại tình dục	4,89	0,59	4,75	0,58	4,79	0,58
ĐTB chung	4,86	0,61	4,83	0,59	4,85	0,59

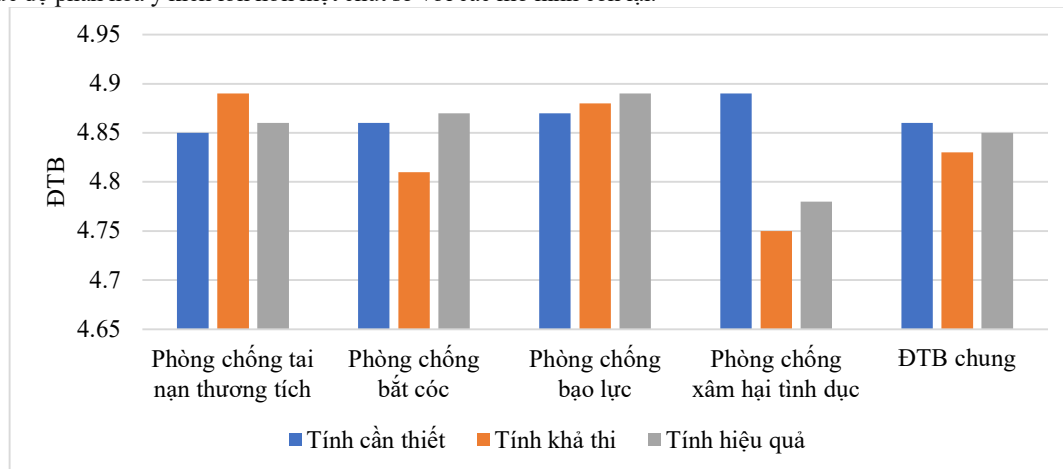
Bảng 2 chỉ tổng hợp theo tên các MHTNGD nhằm mục đích minh họa kết quả trung bình, còn việc tính hệ số Cronbach's Alpha được thực hiện đối với bộ câu hỏi đánh giá chi tiết chứ không phải trực tiếp áp dụng cho từng mô hình riêng lẻ. Dựa trên bảng số liệu thu được, nhóm nghiên cứu nhận thấy các MHTNGD được khảo sát đều được đánh giá rất cao về tính cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả. Đặc biệt, mô hình phòng chống bạo lực và phòng chống tai nạn thương tích nổi bật hơn một chút so với các mô hình khác. Điều này cho thấy sự phù hợp và tính khả dụng của các mô hình trong việc giáo dục phòng chống xâm hại cho HS. Cụ thể:

Tính cần thiết: Tất cả các MHTNGD đều được đánh giá rất cao về tính cần thiết với ĐTB dao động từ 4,85 đến 4,89 cho thấy sự đồng thuận cao của các đối tượng khảo sát về tầm quan trọng của các mô hình này. Trong đó, MHTNGD phòng chống xâm hại tình dục được đánh giá cao nhất về tính cần thiết với ĐTB là 4,89.

Tính khả thi của các mô hình cũng đạt mức “Rất tốt”, với ĐTB từ 4,75 đến 4,89. MHTNGD phòng chống bạo lực đạt ĐTB cao nhất về tính khả thi (4,89), trong khi MHTNGD phòng chống xâm hại tình dục có ĐTB thấp nhất (4,75). Tuy nhiên, mức chênh lệch giữa các mô hình không lớn.

Tính hiệu quả: Các mô hình đều đạt mức “Rất tốt” về tính hiệu quả, với ĐTB dao động từ 4,79 đến 4,89. MHTNGD phòng chống bạo lực có tính hiệu quả cao nhất (4,89) trong khi MHTNGD phòng chống xâm hại tình dục đạt thấp nhất (4,79).

ĐLC trong các đánh giá tương đối thấp (dao động từ 0,53 đến 0,67) cho thấy sự nhất quán cao trong ý kiến của các đối tượng khảo sát. ĐLC lớn nhất xuất hiện ở MHTNGD phòng chống bạo lực về tính khả thi (0,67) cho thấy mức độ phân hóa ý kiến lớn hơn một chút so với các mô hình còn lại.



Biểu đồ 1. Đánh giá các MHTNGD phòng chống xâm hại cho HS phổ thông tại Trường Đại học Hùng Vương

Biểu đồ 1 cho thấy, ĐTB chung của tất cả các mô hình là 4,86 về tính cần thiết, 4,83 về tính khả thi và 4,85 về tính hiệu quả. Những con số này đều nằm trong khoảng “Rất tốt” chứng tỏ các mô hình được đánh giá cao trên cả ba tiêu chí. Trong đó, MHTNGD phòng chống bạo lực có ĐTB cao nhất ở cả tính khả thi và hiệu quả. MHTNGD phòng chống xâm hại tình dục mặc dù có tính cần thiết cao nhưng điểm khả thi và hiệu quả thấp hơn so với các mô hình khác. Kết quả khảo sát cũng tương đồng với kết quả chúng tôi thu được từ phỏng vấn GV, HS và phụ huynh HS. Thầy giáo H.V.C. - Trường Phổ thông chất lượng cao Hùng Vương cho biết: “HS rất hứng thú, tích cực và được sáng tạo với các hoạt động đa dạng của MHTNGD phòng chống xâm hại” hay Facebook truyền thông của Trường THCS Văn Lang đã khẳng định: “Đây là hoạt động có ý nghĩa, thiết thực góp phần phát triển kỹ năng sống cho HS”.

2.2.3. *Tính mới, tính sáng tạo, tính thực tiễn và tính kinh tế xã hội của mô hình trải nghiệm giáo dục phòng chống xâm hại trẻ em tại Trường Đại học Hùng Vương*

Số liệu của bảng 2 cho thấy:

Tính mới của mô hình có ĐTB 4,62, phản ánh mức độ phù hợp và khác biệt có cơ sở so với các chương trình hiện hành, được xác lập dựa trên phương pháp điều tra bảng hỏi và phỏng vấn GV, HS. Mô hình thể hiện tính đổi

mới qua việc thiết kế HĐTN đa dạng, kết hợp múa, hát, đọc thơ với nội dung giáo dục PCXHTE như các bài hát “Stay Safe”, “Tự bảo vệ mình” và các vần thơ giáo dục đơn giản. Ngoài ra, mô hình ứng dụng các phương pháp mô phỏng, video clip, sân khấu hóa, trò chơi tương tác và quan sát lớp học để truyền đạt hiệu quả kỹ năng tự bảo vệ.

Bảng 2. Đánh giá tính mới, tính sáng tạo, tính thực tiễn và hiệu quả KT-XH của MHTNGD PCXHTE tại Trường Đại học Hùng Vương

Đánh giá	MHTNGD phòng chống xâm hại	Tính cần thiết	
		ĐTB	ĐLC
Tính mới của mô hình	Mô hình có nội dung khác biệt so với các chương trình giáo dục hiện có	4,58	0,53
	Mô hình có cách tiếp cận mới mẻ trong PCXHTE	4,65	0,58
	Mô hình cập nhật được các vấn đề cấp thiết của xã hội hiện nay	4,62	0,57
	ĐTB chung	4,62	0,56
Tính sáng tạo	Mô hình sử dụng phương pháp tổ chức HĐTN sáng tạo	4,66	0,56
	Nội dung hoạt động đa dạng, khơi gợi tư duy sáng tạo của sinh viên	4,70	0,60
	Hình thức thể hiện nội dung phong phú (video, trò chơi, mô phỏng...), phù hợp với tâm lý lứa tuổi	4,64	0,69
	ĐTB chung	4,67	0,62
Tính thực tiễn	Mô hình phù hợp với bối cảnh đào tạo	4,67	0,67
	Có thể áp dụng trong nhiều môi trường đào tạo khác nhau	4,60	0,63
	Nội dung mô hình sát với thực tế giảng dạy và nhu cầu giáo dục HS	4,55	0,64
	ĐTB chung	4,61	0,65
Hiệu quả KT-XH	Mô hình góp phần nâng cao nhận thức về PCXHTE trong cộng đồng	4,71	0,65
	Mô hình có chi phí tổ chức hợp lý phù hợp với điều kiện kinh tế địa phương	4,73	0,68
	Mô hình có thể nhân rộng và triển khai ở các địa phương khác	4,69	0,67
	ĐTB chung	4,71	0,66

Tính sáng tạo đạt ĐTB 4,67 thể hiện rõ trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động nghệ thuật đa dạng như múa rối, đóng kịch, vẽ thư pháp, đọc thơ, ghép tranh, thi hiểu biết. Những hoạt động này được lựa chọn phù hợp với đặc điểm tâm lý và năng lực nhận thức của HS, qua kết quả phân tích từ phỏng vấn và quan sát thực tế. Đặc biệt, hoạt động thư pháp giúp điều tiết cảm xúc, còn các động tác võ thuật đơn giản hỗ trợ HS rèn luyện khả năng tự vệ trong các tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

Tính thực tiễn có ĐTB 4,61 thể hiện rõ qua mức độ áp dụng vào thực tế giảng dạy trong nhà trường phổ thông. Sản phẩm của mô hình bao gồm tài liệu dành cho GV, phụ huynh, cán bộ cộng đồng và các chuyên ngành đào tạo như Công tác xã hội, Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học ứng dụng. Mức độ phù hợp của tài liệu và hình thức tổ chức hoạt động đã được xác thực thông qua phỏng vấn sâu và quan sát việc triển khai mô hình tại các trường phổ thông.

Hiệu quả KT-XH đạt ĐTB 4,71 cao nhất trong bốn tiêu chí. Mô hình mang lại lợi ích rõ ràng qua việc chuyển giao tài liệu, tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ năng cho các bên liên quan. Quan trọng hơn, mô hình có đóng góp dài hạn trong PCXHTE, giúp giảm chi phí phục hồi về tâm lý và thể chất cho nạn nhân, đồng thời tăng cường an toàn trường học. Dữ liệu từ phỏng vấn CBQL, GV cho thấy mô hình có tác động lan tỏa đến cộng đồng và nâng cao nhận thức xã hội.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, MHTNGD PCXHTE tại Trường Đại học Hùng Vương đã đạt được hiệu quả cao trên nhiều phương diện. Mô hình không chỉ đáp ứng tốt yêu cầu về tính cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả mà còn thể hiện rõ tính mới, tính sáng tạo, tính thực tiễn và hiệu quả KT-XH. Các mô hình trải nghiệm được thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức hoạt động như sân khấu hóa, múa hát, võ tự vệ, trò chơi mô phỏng, vẽ thư pháp... đã giúp HS hình thành và rèn luyện các kỹ năng tự bảo vệ bản thân một cách chủ động, sáng tạo và bền vững. Mức độ đánh giá rất cao từ các chuyên gia, GV và HS khẳng định tính phù hợp và tính khả dụng của mô hình trong thực tiễn giáo dục phổ thông. Đặc biệt, hiệu quả KT-XH của mô hình được ghi nhận qua việc góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về PCXHTE, đồng thời cung cấp nguồn tài liệu, phương pháp giảng dạy hữu ích cho các cơ sở giáo dục, cán bộ công tác xã hội và tâm lý học đường. Trên cơ sở những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng MHTNGD PCXHTE tại Trường Đại học Hùng Vương là một hướng đi đúng đắn, có tính khả thi cao và cần được tiếp tục triển khai rộng rãi trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Đây cũng là nền tảng

quan trọng để phát triển các chương trình giáo dục trải nghiệm tương tự trong công tác phòng chống xâm hại, góp phần xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và nhân văn.

Tài liệu tham khảo

- Allen, K. P., Livingston, J. A., & Nickerson, A. B. (2020). Child sexual abuse prevention education: A qualitative study of teachers' experiences implementing the Second Step Child Protection Unit. *American Journal of Sexuality Education*, 15(2), 218-245. <https://doi.org/10.1080/15546128.2019.1687382>
- Barter, C., Batoool, F., Charles, J., Devaney, J., Farrelly, N., Hayes, D., Kurdi, Z., Millar, A., Monks, C., Foster, H. R., Radford, L., Edwards, R. T., Winrow, E., & Stanley, N. (2022). Conducting large-scale mixed-method research on harm and abuse prevention with children under 12: Learning from a UK feasibility study. *Children & Society*, 38(1), 79-96. <https://doi.org/10.1111/chso.12658>
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bui, L. T., Van Dam, A. T., Le, N. H., Hoang, D. T., & Phan, L. T. (2024). Evaluating factors affecting sexual abuse prevention education for primary school students according to the life skills approach. *Multidisciplinary Science Journal*, 7(2), 2025105. <https://doi.org/10.31893/multiscience.2025105>
- Bustamante, G., Andrade, M. S., Mikesell, C., Cullen, C., Endara, P., Burneo, V., Yépez, P., Saavedra, S. A., Ponce, P., & Grunauer, M. (2019). "I have the right to feel safe": Evaluation of a school-based child sexual abuse prevention program in Ecuador. *Child Abuse & Neglect*, 91, 31-40. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2019.02.009>
- Cırık, V. A., & Karakurt, N. (2024). The effectiveness of a child and parent-oriented modular education program on the prevention of child sexual abuse knowledge and parental views: A mixed method study. *Children and Youth Services Review*, 160, 107546. <https://doi.org/10.1016/j.childyouth.2024.107546>
- Craig, E. (2022). Teaching safeguarding through books: A content analysis of child sexual abuse prevention books. *Journal of Child Sexual Abuse*, 31(3), 257-275. <https://doi.org/10.1080/10538712.2021.1985672>
- Đào Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Hằng (2018). Học tập trải nghiệm - Lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 433, 36-40.
- Davis, M. K., & Gidycz, C. A. (2000). Child sexual abuse prevention programs: A meta-analysis. *Journal of Clinical Child Psychology*, 29(2), 257-265. https://doi.org/10.1207/S15374424jccp2902_11
- Dimitropoulos, G., Lindenbach, D., Devoe, D. J., Gunn, E., Cullen, O., Bhattarai, A., Kuntz, J., Binford, W., Patten, S. B., & Arnold, P. D. (2021). Experiences of Canadian mental health providers in identifying and responding to online and in-person sexual abuse and exploitation of their child and adolescent clients. *Child Abuse & Neglect*, 124, 105448. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2021.105448>
- Gushwa, M., Bernier, J., & Robinson, D. (2019). Advancing Child Sexual Abuse Prevention in Schools: An Exploration of the Effectiveness of the Enough! Online Training Program for K-12 Teachers. *Journal of Child Sexual Abuse*, 28(2), 144-159. <https://doi.org/10.1080/10538712.2018.1477000>
- Helpingstine, C. E., Jadue Zalaquett, V. C., Murphy, C. A., Merrick, M. T., Fickler, W., Bernier, J., & Klika, J. B. (2024). Prevention of child sexual abuse in the United States: Scoping review of United States legislative policies. *Child Abuse & Neglect*, 152, 106747. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2024.106747>
- Henry, N., Gavey, N., McGlynn, C., & Rackley, E. (2022). 'Devastating, like it broke me': Responding to image-based sexual abuse in Aotearoa New Zealand. *Criminology & Criminal Justice*, 23(5), 861-879.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.
- McTavish, J. R., Santesso, N., Amin, A., Reijnders, M., Ali, M. U., Fitzpatrick-Lewis, D., & MacMillan, H. L. (2021). Psychosocial interventions for responding to child sexual abuse: A systematic review. *Child Abuse & Neglect*, 116(Pt 1), 104203. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2019.104203>
- Phạm Thị Minh Thúy (2017). *Tài liệu cẩm nang phòng tránh xâm hại cho con*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.